

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001096

Trang : 1/2

Môn học: **Trang bị điện nâng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>N</i> Ng Tân Thích	<i>Xuân</i> Luu T. Xuân	<i>Thường</i> Nguyễn Hưng Thường	<i>Thị</i> Trần Thị

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH DANH	14/09/2002	CCQ2005A		1	<i>Danh</i>	5,5	2,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B		1	<i>Dân</i>	6,5	1,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050004	HỒ HOÀNG ĐẶNG	13/12/2002	CCQ2005A		1	<i>Đặng</i>	7,5	5,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050005	BÙI TRỌNG HIỂN	02/06/2002	CCQ2005A		1	<i>Hiển</i>	6,5	2,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B		1	<i>Đạt</i>	6,0	0,0	2,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050039	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B		1	<i>Đạt</i>	6,0	4,3	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119150008	TRẦN BÁ ĐẠT	17/08/2001	CCQ1915A		1	<i>Đạt</i>	6,5	2,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050006	VÕ THANH HOÀNG	24/08/2002	CCQ2005A		1	<i>HOÀNG</i>	6,0	2,5	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050040	NGUYỄN ANH ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B		1	<i>Được</i>	6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A		1	<i>Hòa</i>	6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050010	TRẦN TUẤN KHẢI	03/02/2002	CCQ2005A		1	<i>Khải</i>	5,0	5,3	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B		1	<i>Hoàng</i>	6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050009	NGUYỄN PHI HÙNG	24/06/2002	CCQ2005A		1	<i>Hùng</i>	9,0	6,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B		1	<i>Hùng</i>	5,5	1,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050042	LÊ TRẦN QUANG HUY	05/11/2002	CCQ2005B		1	<i>Huy</i>	7,5	5,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050011	ĐỖ TẤN LÂM	11/09/2002	CCQ2005A		1	<i>Lâm</i>	6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A		1	<i>Nam</i>	6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050013	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	08/03/2002	CCQ2005A		1	<i>Nguyễn</i>	8,5	3,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050014	NGUYỄN DUY NHẤT	05/12/2002	CCQ2005A		1	<i>Nhất</i>	7,0	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC LÂM	20/11/2001	CCQ2005B		1	<i>Lâm</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001096

Trang : 2/2

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

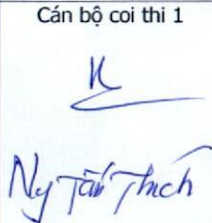
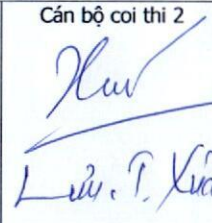
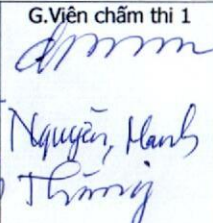
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Ng. Tấn Thích	Lưu. P. Xuân	Nguyễn, Hân	Trần, Văn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050047	HUỖNH PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B		1		5,0	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B		1		7,0	2,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050016	TRẦN DUY PHONG	16/04/2002	CCQ2005A		1		7,0	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B		1		6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B		1		6,5	2,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050051	ĐÌNH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B		1		6,0	2,5	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050052	SƠN NHI	22/11/2002	CCQ2005B		1		4,0	1,0	2,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050053	NGUYỄN XUÂN PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B		1		5,8	1,5	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120050054	TRƯƠNG BÌNH PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B		1		5,0	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120050018	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/01/2002	CCQ2005A		1		6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B		1		5,0	2,0	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001097

Trang : 1/2

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Ng.v. Giem	Khanh	Nguyễn Mạnh	Trinh Anh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050058	VŨ ĐỨC TÀI	15/10/2001	CCQ2005B		1	Tài	5,0	1,0	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH QUAN	13/08/2001	CCQ2005A		1	Quan	6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050059	BÁ HOÀNG TÂN	29/09/2001	CCQ2005B		1	Tân	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050020	TRẦN NGỌC QUÝ	08/06/2002	CCQ2005A		1	Quý	7,5	5,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050021	PHẠM SÁNG	28/02/1998	CCQ2005A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050060	HUỖNH HỮU THÁI	02/06/2002	CCQ2005B		1	Thái	6,0	3,0	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2118050188	HUỖNH NGỌC THIÊN	08/04/2000	CCQ1805C		1	Thiên	8,0	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050023	HÀ THANH SƠN	10/08/2002	CCQ2005A		1	Sơn	7,0	3,8	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B		1	Ti	5,5	1,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN SỸ	07/10/2002	CCQ2005A		1	Sỹ	7,0	1,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A		1	Tiến	4,0	1,5	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050025	VÕ TẤN TÀI	23/12/2002	CCQ2005A		1	Tài	9,0	5,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A		1	Tài	8,0	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B		1	Tính	5,0	1,0	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B		1	Tính	6,5	1,0	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050027	BÙI VĂN DUY TÂN	08/12/2002	CCQ2005A		1	Tân	9,0	8,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050029	NGUYỄN THIÊN THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A		1	Thành	8,5	3,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050028	NGUYỄN THẾ TÂN	24/09/2001	CCQ2005A		1	Tân	8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050065	HUỖNH MINH TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B		1	Trí	6,5	1,0	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050030	LÊ VĂN THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A		1	Thịnh	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001097

Trang : 2/2

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **18/04/2022**

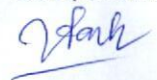
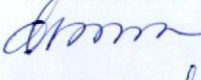
Giờ: **07:30**

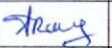
Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Văn Biên	 Trần T. Thanh	 Nguyễn Văn Thanh	 Trần Văn Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B		1		6,5	5,0	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120050031	TRẦN DIỆP THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B		1		5,5	2,5	3,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120050032	LÊ THANH TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A		1		7,0	7,5	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH	17/03/2002	CCQ2005B		1		8,0	6,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2118030192	PHẠM NHÂN VĂN	24/01/2000	CCQ1805C		1		7,5	3,5	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2120050068	THIÊN NGỌC VÂN	02/12/2002	CCQ2005B		1		4,0	0,0	1,6	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B		1		5,5	0,0	2,2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI VŨ	06/07/2002	CCQ2005A		1		6,5	1,5	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120050034	CAO VĂN TUẤN VŨ	16/12/2001	CCQ2005A		1		8,0	5,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9